

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02/02/2018
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Văn Khánh

2/ Bà Võ Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Cô Huỳnh Lê Ngọc Nhi, cán bộ TAND thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện VKS nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX - ST ngày 09 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Đồng Nai. Có mặt

- Bị đơn: Anh Lê Thanh M, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 của nguyên đơn chị Lê Thị T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Thanh M vì mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi ly hôn nguyên đơn dành quyền nuôi dưỡng nuôi con chung là Lê Thanh Tr, sinh ngày 04/8/2007 và

Lê Thanh Ph, sinh ngày 09/11/2011 cho bị đơn; không cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Quá trình chung sống, nguyên đơn tự khai vợ chồng không có tài sản chung, không vay mượn nợ ai.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thanh M xác định vợ chồng có mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn lý do sẽ ảnh hưởng đến tương lai các con.

Về con chung, bị đơn đồng đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung, nợ chung, bị đơn thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và về ý kiến giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T. Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh M.

- Về con chung: Các bên thỏa thuận giao các cháu Lê Thanh Tr, sinh ngày 04/8/2007 và Lê Thanh Ph, sinh ngày 09/11/2011 cho anh Lê Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: các bên khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Chị Lê Thị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh M. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc những trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền:

Anh Lê Thanh M, địa chỉ cư trú tại ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Đồng Nai là người bị nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Lê Thanh M được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện được ly hôn của nguyên đơn thấy rằng, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc với nhiều lý do khác nhau; do không dung hòa được mâu thuẫn, bất đồng nên từ năm 2015 nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau đến nay. Điều này được xác định bằng lời khai nhận của chính bị đơn, người làm chứng, anh Lê Văn S (em ruột nguyên đơn) và anh Lê Thanh H (anh ruột bị đơn) về tình trạng trên. Căn cứ vào khoản 2 và 3 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem tình tiết này là sự thật và xác định, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Về quyền nuôi giữ con chung thấy rằng, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung (1) Lê Thanh Tr, sinh ngày 04/8/2007 và (2) Lê Thanh Ph, sinh ngày 09/11/2011, nguyên đơn dành quyền nuôi dưỡng con chung cho bị đơn và không cấp dưỡng. Yêu cầu của nguyên đơn được bị đơn chấp nhận và cháu Lê Thanh Tr có nguyện vọng ở với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trong thời kỳ hôn nhân không tạo lập nên khối tài sản chung; không vay mượn nợ ai và không cho ai vay nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Lê Thanh M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và 3 Điều 92; khoản 4 Điều 147, Điều 273; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T. Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh M.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Thanh Tr, sinh ngày 04/8/2007 và Lê Thanh Ph, sinh ngày 09/11/2011 cho anh Lê Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị Lê Thị T không cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Thanh M thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 007901 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn tính từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKS cùng cấp;
- THADS TX.LK;
- UBND TT G, huyện.X, tỉnh ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thủy

